

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải

Vùng biển: Vùng nước cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên luồng: Luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải.

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Căn cứ Đơn đề nghị số 863/ĐĐN-XNKSBĐATHHMN ngày 08/12/2025 của Chi nhánh công ty TNHH MTV- Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam - Xí nghiệp Khảo sát Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam về việc đề nghị công bố thông báo hàng hải về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải (lần 2) năm 2025.

Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải năm 2025 như sau:

Trong phạm vi biên luồng hàng hải theo thiết kế, được hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” như sau:

1. Đoạn phân luồng từ phao báo hiệu hàng hải số “0” đến phao báo hiệu hàng hải “GR”.

1.1. Trong phạm vi đoạn phân luồng từ phao báo hiệu hàng hải số “0” đến phao báo hiệu hàng hải “GR” - luồng bên phải (bên phao xanh) với chiều dài khoảng 15 km, bề rộng luồng 170 m, độ sâu đoạn luồng này đạt 11,0 m. Ngoài ra, xuất hiện các điểm có độ sâu 10,1 m, 10,5 m, 10,8 m, 10,9 m tại các vị trí có tọa độ sau:

Điểm độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
10,1	10°17'29,62"N	107°04'50,17"E	10°17'25,95"N	107°04'56,59"E
10,5	10°17'29,60"N	107°04'46,27"E	10°17'25,92"N	107°04'52,69"E
10,8	10°17'29,99"N	107°04'47,00"E	10°17'26,32"N	107°04'53,41"E
10,8	10°17'33,53"N	107°04'42,78"E	10°17'29,86"N	107°04'49,20"E
10,9	10°17'33,86"N	107°04'43,54"E	10°17'30,18"N	107°04'49,96"E
10,9	10°17'37,02"N	107°04'44,35"E	10°17'33,34"N	107°04'50,76"E
10,9	10°19'40,14"N	107°03'19,78"E	10°19'36,47"N	107°03'26,20"E
10,9	10°17'25,88"N	107°04'49,68"E	10°17'22,21"N	107°04'56,10"E

1.2. Trong phạm vi đoạn phân luồng từ phao báo hiệu hàng hải số “0” đến phao báo hiệu hàng hải “GR” - luồng bên trái (bên phao đỏ) với chiều dài khoảng 15 km, bề rộng luồng 170 m, độ sâu đoạn luồng này đạt 11,0 m. Ngoài ra, xuất hiện các điểm độ sâu 10,5 m, 10,6 m, 10,9 m tại các vị trí có tọa độ sau:

Điểm độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
10,5	10°17'37,98"N	107°04'18,28"E	10°17'34,31"N	107°04'24,69"E
10,5	10°17'44,36"N	107°04'14,97"E	10°17'40,68"N	107°04'21,39"E
10,6	10°17'36,49"N	107°04'21,17"E	10°17'32,82"N	107°04'27,58"E
10,9	10°17'43,89"N	107°04'14,30"E	10°17'40,22"N	107°04'20,71"E

2. Đoạn luồng từ phao báo hiệu hàng hải số “0” đến hết vũng quay trở tàu tại khu vực ngã ba sông Gò Gia - sông Cái Mép - sông Thị Vải, chiều dài 31,1 km, chiều rộng nhỏ nhất 350 m:

- Đoạn từ phao báo hiệu hàng hải số “0” đến phao báo hiệu hàng hải số “1” + 1,0 km, chiều dài khoảng 2,95 km, độ sâu trên đoạn luồng này đạt 15,5 m. Ngoài ra, xuất hiện các điểm, dải điểm có độ sâu cần lưu ý như sau:

+ Dải điểm nằm phía bên phải luồng từ phao báo hiệu hàng hải số “0” + 1,0 km đến phao số “1” + 564 m, lún luồng xa nhất 78 m, có chiều dài khoảng 1,5 km, độ sâu đạt 12,9 m nằm sát biên luồng phải.

+ Các điểm có độ sâu 15,4 m tại các vị trí có tọa độ:

Điểm độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
15,4	10°17'06,13"N	107°04'55,00"E	10°17'02,46"N	107°05'01,41"E
15,4	10°17'07,72"N	107°04'52,90"E	10°17'04,04"N	107°04'59,31"E
15,4	10°17'07,39"N	107°04'52,13"E	10°17'03,71"N	107°04'58,55"E
15,4	10°17'08,78"N	107°04'50,31"E	10°17'05,10"N	107°04'56,73"E
15,4	10°17'08,31"N	107°04'49,64"E	10°17'04,63"N	107°04'56,05"E
15,4	10°17'10,50"N	107°04'48,19"E	10°17'06,82"N	107°04'54,60"E

- Đoạn từ phao báo hiệu hàng hải số “1” + 1,0 km đến phao báo hiệu hàng hải số “5” + 1,4 km, có chiều dài khoảng 5,6 km, độ sâu đạt 11,9 m nằm sát biên luồng phải, độ sâu giữa tim luồng đạt 14,9 m.

- Đoạn từ phao báo hiệu hàng hải số “5” + 1,4 km đến phao báo hiệu hàng hải số “7” + 1,5 km, có chiều dài khoảng 3 km, độ sâu đạt 14,5 m, độ sâu giữa tim luồng đạt 15,5 m.

- Đoạn từ phao báo hiệu hàng hải số “7” + 1,5 km đến phao báo hiệu hàng hải số “11” + 320 m, có chiều dài khoảng 5,2 km, độ sâu đạt 15,5 m.

- Đoạn từ phao báo hiệu hàng hải số “11” + 320 m đến phao báo hiệu hàng hải số “19” + 675 m, có chiều dài khoảng 9,6 km, độ sâu đạt 12,4 m nằm sát biên luồng trái, độ sâu giữa tim luồng đạt 15,5 m.

- Đoạn từ phao báo hiệu hàng hải số “19” + 675 m đến hết vũng quay trở tàu tại khu vực ngã ba sông Gò Gia - sông Cái Mép - sông Thị Vải, có chiều dài khoảng 4,75 km, độ sâu đoạn luồng này đạt độ sâu 15,5 m theo chuẩn tắc. Ngoài ra, xuất hiện điểm có độ sâu 15,3 m tại vị trí có tọa độ:

Điểm độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
15,3	10°29'35,90"N	106°59'36,99"E	10°29'32,22"N	106°59'43,41"E

- Trong phạm vi vũng quay trở tàu (VQ1) được giới hạn bởi đường tròn có đường kính $D = 700$ m (tại vị trí khu vực ngã ba sông Thêu - sông Cái Mép), đạt độ sâu 15,5 m theo chuẩn tắc.

- Trong phạm vi vũng quay trở tàu (VQ2) được giới hạn bởi đường tròn có đường kính $D = 600$ m (tại vị trí khu vực ngã ba sông Gò Gia - sông Cái Mép - sông Thị Vải), đạt độ sâu 15,5 m theo chuẩn tắc.

3. Đoạn luồng từ vũng quay trở tàu tại khu vực ngã ba sông Gò Gia - sông Cái Mép - sông Thị Vải đến hết vũng quay trở tàu tại khu nước phía trước Bến cảng nhà máy đóng tàu Ba Son, chiều dài khoảng 3,2 km, chiều rộng đáy luồng 250 ÷ 310 m, độ sâu đạt 13,9 m, độ sâu giữa tim luồng đạt 14,3 m.

- Trong phạm vi vũng quay trở tàu (VQ3) được giới hạn bởi đường tròn có đường kính $D = 500$ m (tại khu nước phía trước Nhà máy đóng tàu Ba Son), độ sâu đạt 13,9 m.

4. Đoạn luồng từ vũng quay trở tàu tại khu nước phía trước Bến cảng Nhà máy đóng tàu Ba Son đến thượng lưu Bến cảng tổng hợp Thị Vải (ODA) có chiều dài 4,6 km, chiều rộng đáy luồng 283 ÷ 310 m, độ sâu đoạn luồng này đạt 12,0 m. Ngoài ra, xuất hiện các điểm, dải điểm có độ sâu cần lưu ý như sau:

+ Các điểm có độ sâu 11,5 m, 11,7 m, 11,8 m, 11,9 m tại các vị trí như sau:

Điểm độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
11,7	10°33'31,05"N	107°00'36,43"E	10°33'27,38"N	107°00'42,85"E
11,9	10°33'31,23"N	107°00'35,63"E	10°33'27,56"N	107°00'42,05"E
11,9	10°33'28,65"N	107°00'36,05"E	10°33'24,97"N	107°00'42,47"E
11,5	10°32'44,75"N	107°01'07,13"E	10°32'41,07"N	107°01'13,58"E
11,5	10°32'44,04"N	107°01'06,72"E	10°32'40,37"N	107°01'13,16"E
11,8	10°32'44,74"N	107°01'04,28"E	10°32'41,07"N	107°01'10,73"E

+ Dải điểm độ sâu nằm phía phải luồng từ phao báo hiệu hàng hải số “40” đến phao báo hiệu hàng hải số “37” + 145 m, lần luồng xa nhất 78 m, chiều dài 950 m, độ sâu đạt 6,8 m nằm sát biên luồng phải.

+ Dải điểm độ sâu nằm phía trái luồng từ phao báo hiệu hàng hải số “42” + 218 m đến phao báo hiệu hàng hải số “44” lấn luồng xa nhất 134 m, chiều dài 396 m, độ sâu đạt 6,5 m nằm sát biên luồng trái.

5. Đoạn luồng từ thượng lưu Bến cảng tổng hợp Thị Vải (ODA) đến thượng lưu Bến cảng quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV) có chiều dài 2,8 km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 220 m, độ sâu đoạn luồng này đạt 12,0 m. Ngoài ra, xuất hiện các dải điểm có độ sâu cần lưu ý như sau:

+ Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng từ phao báo hiệu hàng hải số “44” đến phao báo hiệu hàng hải số “46”, lấn luồng xa nhất 112 m, chiều dài khoảng 350 m, độ sâu đạt 4,3 m nằm sát biên luồng.

+ Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng từ phao báo hiệu hàng hải số “46” + 180 m đến phao báo hiệu hàng hải số “48” - 152 m, lấn luồng xa nhất 55 m, chiều dài khoảng 372 m, độ sâu đạt 5,4 m nằm sát biên luồng.

+ Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng từ phao báo hiệu hàng hải số “48” + 1,14 km đến thượng lưu Bến cảng quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV), lấn luồng xa nhất 47 m, chiều dài khoảng 476 m, độ sâu đạt 6,2 m nằm sát biên luồng.

6. Đoạn luồng từ thượng lưu Bến cảng quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV) đến thượng lưu Bến cảng Phước An (giai đoạn 1), có chiều dài 3,5 km, chiều rộng đáy luồng 140 ÷ 220 m, độ sâu đạt 11,6 m. Ngoài ra, xuất hiện các điểm có độ sâu cần lưu ý như sau:

Điểm độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
11,4	10°36'09,87"N	107°01'00,96"E	10°36'06,20"N	107°01'07,39"E
11,5	10°36'40,38"N	107°00'35,93"E	10°36'36,70"N	107°00'42,35"E
11,3	10°36'45,19"N	107°00'27,04"E	10°36'41,52"N	107°00'33,46"E
11,5	10°36'50,35"N	107°00'21,72"E	10°36'46,68"N	107°00'28,14"E
11,4	10°36'49,70"N	107°00'21,23"E	10°36'46,03"N	107°0'27,65"E
11,4	10°37'13,74"N	106°59'54,13"E	10°37'10,06"N	107°00'00,55"E

7. Đoạn luồng từ thượng lưu Bến cảng Phước An (giai đoạn 1) đến hết vũng quay trở tàu phía thượng lưu Bến cảng Vedan Phước Thái, có chiều dài 6,1 km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 120 m độ sâu đạt 8,3 m, độ sâu giữa tim luồng 8,5 m.

- Trong phạm vi vũng quay trở tàu (VQ4) được giới hạn bởi đường tròn có đường kính $D = 280$ m (tại khu nước phía thượng lưu Bến cảng Vedan Phước Thái) độ sâu đạt 9,0 m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Tàu thuyền hoạt động trong luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải căn cứ Thông báo hàng hải, Bình đồ độ sâu thực tế và Hệ thống báo hiệu hàng hải dẫn luồng đề

có biện pháp hành hải an toàn./.

Ghi chú:



- Số liệu độ sâu căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu từ VTTV_112025_01_13 đến VTTV_112025_13_13, tỷ lệ 1/5000 do Xi nghiệp Khảo sát Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 11/2025, được cung cấp (truy cập theo đường dẫn <https://byvn.net/AFr9> hoặc mã QR đính kèm).

- Để biết thêm thông tin chi tiết về số liệu độ sâu, đề nghị liên hệ trực tiếp với Xi nghiệp Khảo sát Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam (đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu tại bình đồ độ sâu đã cung cấp đề nghị công bố thông báo hàng hải).

Nơi nhận:

- Giám đốc (để b/c);
- Cục HH và ĐT Việt Nam (để b/c);
- Phó Giám đốc: N.Q.Hung, T.M.Trí, L.V.Thức, V.D.Nhân;
- Bộ Tư lệnh Hải quân;
- Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển;
- BCH Bộ đội Biên phòng Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Nam;
- Các Cảng vụ Hàng hải, Đường thủy nội địa;
- Sở Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở NN&MT Tp. Hồ Chí Minh;
- Cty TNHH MTV-Tcty BÐATHH Việt Nam;
- Cty TNHH MTV HTHH miền Nam;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng;
- Trung tâm UPSCTD khu vực miền Nam;
- Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh;
- Cty TNHH MTV Thông tin ĐTHH Việt Nam;
- Các Doanh nghiệp chủ tàu;
- Các Doanh nghiệp vận tải biển, vận tải thủy;
- Các Doanh nghiệp dịch vụ hàng hải;
- Các Doanh nghiệp đại lý tàu biển;
- Các Đại diện: Hiệp Phước, Cần Giờ, Long An, Vũng Tàu, Thị Vải, Côn Đảo (để ph/h);
- Các Phòng: AT-ANHH, ĐPGTHH, TTTT (để ph/h);
- Website Cảng vụ HH TP.HCM;
- Lưu: VT, QLKCHT_(Thành).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Huy Toàn